

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2025

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thu Hiền

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Luật - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2025/TLST - HNGĐ ngày 04/6/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị Thu C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (Nay là tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Hưng Yên).

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là xã N, tỉnh Hưng Yên)

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (Nay là tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Hưng Yên).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 09/9/2001 (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 28/3/2006 (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2017 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (Nay là tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Hưng Yên). Nơi ở của cháu Ngọc A hiện nay: Tổ dân phố đội 11, thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là xã N, tỉnh Hưng Yên)

Đại diện theo pháp luật của cháu Ngọc A: Chị Chu Thị Thu C và anh Nguyễn Mạnh K (là bố mẹ đẻ của cháu Ngọc A).

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là xã N, tỉnh Hưng Yên)

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị C tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Nguyễn Mạnh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Hưng Yên (nay là phường Đ, ngày 18/3/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ anh K tại tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K chời bời, không phụ giúp chị trong việc nuôi dạy con cái, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Ngoài ra anh K còn thường xuyên ghen tuông vô cớ, chị đi làm anh K không gọi được cho chị đến khi chị về nhà thường xuyên tra khảo chị khiến chị rất bức xúc và mệt mỏi. Chị xác định chị là người vợ hết lòng vì gia đình nhà chồng, vì chồng, vì con bản thân chị không có quan hệ bất chính với bất kỳ người đàn ông nào. Gia đình chị và gia đình anh K đều biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị, đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh K không chịu thay đổi. Mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn được, dẫn tới vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi vã, thậm chí anh K đã nhiều lần đánh chị, bản thân mẹ anh K là bà M và các con chị phải đứng ra can ngăn. Chị đã cố chịu đựng vì con cái suốt từ năm 2011, cho đến khi sinh thêm cháu Ngọc A nhưng anh K vẫn không thay đổi tính cách vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau vì những mâu thuẫn chị vừa kể trên. Đến đầu tháng 5/2025 chị có trao đổi với anh K về việc ly hôn và sau đó chị đã đưa con gái út là cháu Ngọc A về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 09/9/2001, cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2017. Cháu T và cháu Anh T1 (hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) đã trưởng thành và đi làm không liên quan gì đến chị và anh K về kinh tế nên chị đề nghị Tòa án không đưa các cháu vào tham gia tố tụng và chị không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với các cháu. Hiện nay cháu Ngọc A đang sống cùng chị tại nhà mẹ đẻ chị ở V. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc A và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần M1, thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng/tháng. Anh K có trao đổi với chị về việc nếu chị muốn ly hôn thì phải thừa nhận chị có người đàn ông khác. Chị xác định không có quan hệ bất chính với bất cứ người đàn ông nào nên việc anh K yêu cầu chị thừa nhận nội dung trên chị không chấp nhận. Nếu có chứng cứ anh K cứ xuất trình cho Tòa án, chị sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Cho đến nay anh K đi mọi nơi rêu rao chị về việc chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác khiến chị rất mệt mỏi, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng thật sự không hạnh phúc, chị không thể về chung sống cùng anh K nên đề nghị Tòa án xem xét sớm giải quyết cho chị.

Tại biên bản lấy lời khai anh K trình bày: Anh thống nhất quan điểm của chị C về việc kết hôn của vợ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian đến khoảng năm 2008 anh nhận thấy tình cảm của chị C đối với anh có thay đổi, chị C thường xuyên đi làm về muộn, đến năm 2011 anh không nhớ rõ ngày, anh có bắt gặp chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác ở nhà

nghỉ. Sau khi sự việc xảy ra, vợ chồng chị có xảy ra xô xát, anh có đánh chị C chỉ vì quá bức xúc, chị C có xin lỗi anh, bố đẻ của chị C hiện đã mất cũng đến nói chuyện với anh nên anh đã cho qua mọi chuyện. Anh biết rõ họ tên người này nhưng anh không muốn nói ra đây vì sự việc xảy ra đã lâu, anh đã bỏ qua chuyện này. Sự việc này giữa anh, chị C và các bên liên quan chỉ trao đổi với nhau bằng miệng không có văn bản giấy tờ gì chứng minh.

Kể từ năm 2012 đến năm 2017, do hạnh phúc gia đình không được như mong muốn, anh đi làm nhưng không làm lâu dài ở công ty nào. Có công ty anh làm được nửa tháng sau đó xin nghỉ, anh lại xin làm việc ở công ty khác, thời gian này thu nhập của anh không có nhiều nhưng nếu có tiền đều đưa cho chị C giữ để chăm con. Số tiền anh đưa cho chị C là bao nhiêu thì anh không nhớ. Từ đầu năm 2025, chị C đi làm công ty gần nhà nhưng thường xuyên về muộn. Công ty T2 ca lúc 19h30 nhưng có khi chị C đi đến gần 22 giờ mới về, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng ít khi ăn cơm, sinh hoạt cùng nhau. Anh quan tâm có nhắn tin, gọi điện cho chị C nhưng rất ít khi chị C trả lời hoặc nhắn tin lại với anh. Khoảng đầu tháng 5, anh đi làm về có qua đón chị C ở công ty nhưng anh không thấy xe chị C, anh có gọi điện nhắn tin hỏi chị C nhưng chị C không trả lời, anh có đi tìm hiểu thì thấy chị C hết giờ làm không về nhà mà lên khu vực phố B để chơi. Khi đó trong lúc nóng giận vợ chồng xảy ra xô xát, anh có tát chị C. Sau ngày đó, chị C nhắn tin cho anh về việc muốn ly hôn với anh. Vợ chồng nhà ai cũng có lúc xô xát, gia đình anh cũng không ngoại lệ. Anh nhận thấy thời gian trước đây anh thực sự chưa quan tâm nhiều đến chị C, nhưng thời gian gần đây anh đã dần thay đổi, đã chịu khó làm việc, kiếm thêm thu nhập phụ giúp gia đình nhưng chị C không thừa nhận việc này, vẫn thường xuyên chê trách anh là không quan tâm đến gia đình. Anh quan tâm chị C bằng cách nhắn tin, gọi điện thì chị C lại không trả lời anh. Từ sau khi chị C làm đơn ly hôn gửi Tòa án chị C hầu như tránh mặt anh, hết giờ làm cũng không về nhà có khi đến gần 22 giờ đêm mới về, sáng lại đi làm sớm nên vợ chồng không có thời gian để trò chuyện cùng nhau. Chị C muốn ly hôn anh nhưng anh vẫn còn có tình cảm với chị C và mong muốn các con có cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn chị C. Để vợ chồng đoàn tụ, anh có phương án như sau: Vợ chồng cần trao đổi thẳng thắn với nhau về các mối quan hệ của vợ chồng, bản thân anh sẽ tu chí làm ăn không để chị C hay các con phải lo lắng nữa.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như trình bày của chị C. Trường hợp phải ly hôn, anh tôn trọng quyết định của cháu Ngọc A và chị C, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị C. Trường hợp chị C không nuôi được cháu Ngọc A thì anh xin nuôi và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện nay các cháu T và T1 đã thành niên nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang làm đầu bếp ở Hà Nội, thu nhập hàng tháng được 10.000.000 đồng tháng, anh không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ về nơi làm việc và thu nhập cho Tòa án được.

Anh chị đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, vợ chồng không có ruộng nông nghiệp, vợ chồng không có công sức với hai bên gia đình nên anh chị đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà B là mẹ đẻ của chị C trình bày: Anh K, chị C thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân bà có nghe chị C nói là do anh K không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời không quan tâm, chăm sóc vợ con lại còn hay ghen tuông. Vợ chồng chị C và anh K đã nhiều lần cãi nhau, gia đình hai bên đã phải khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Đến tháng 5/2025 chị C có trao đổi và xin phép bà được cùng con gái út là cháu Ngọc A về nhà bà sinh sống. Bà cũng đã khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng bà thấy con gái bà sống cùng anh K khổ quá nên nhất trí bảo cháu C và cháu ngoại bà là cháu Ngọc A về nhà bà sinh sống. Bà đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị C được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống. Cháu Ngọc A còn nhỏ và đang sống cùng bà và chị C nên bà đề nghị Toà án giao cháu Ngọc A cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng. Bà sẽ tạo điều kiện giúp đỡ chị C và cam kết sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị C về nơi ăn ở, sinh hoạt tại nhà ở của bà tại huyện V, tỉnh Hưng Yên. Kể từ khi chị C về sống tại nhà bà, anh K cũng không liên lạc, đến thăm hay có động thái gì hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà (mẹ đẻ anh K) trình bày: Hiện nay anh chị không sống cùng nhau, việc anh chị ly hôn hay không là quyền của anh chị. Bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để các con có cả bố và mẹ cho các cháu đỡ khổ.

Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị C giữ nguyên quan điểm khởi kiện và xin vắng mặt; anh K có mặt nhưng không đồng ý ly hôn. Các đương sự không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị C vắng mặt và có quan điểm xin xử vắng mặt.

Anh K giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn, anh đã níu kéo chị C nhưng chị C không đồng ý và luôn tránh mặt anh không cho anh gặp. Anh và chị C hiện không còn sống cùng nhau, chị C không còn quan tâm đến anh. Về con chung anh tôn trọng quyết định của cháu Ngọc A và chị C; anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C; còn với tư cách là người bố nếu có cấp dưỡng anh sẽ cho cháu Ngọc A sau. Về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức giữa anh và chị C không liên quan đến nhau nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên trình bày quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn anh K. Giao cháu Ngọc A cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức không phải giải quyết. Chị C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị C và anh K là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị C có đơn khởi kiện ly hôn với anh K, anh K hiện đăng ký thường trú tại phường Đ, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hưng Yên theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

Chị C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của chị C, anh K cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường Đ), nên có đủ căn cứ xác định chị C, anh K đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường P năm 2001 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và việc chị C khởi kiện ly hôn đối với anh K sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị C, anh K đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc. Chị C xác định mâu thuẫn là do anh K không tu chí làm ăn, thường xuyên ghen tuông vô cớ nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác khiến chị rất mệt mỏi, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Bản thân anh K cũng thừa nhận trước khi chị C làm đơn ly hôn, anh chưa thật sự quan tâm đến chị C và các con; anh xác định chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay anh chị đã sống ly thân; bản thân anh K mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh có liên hệ với chị C nhưng chị C đều từ chối; Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng chị C cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và xin vắng mặt tại phiên hòa giải. Tất cả những tình tiết trên đã phản ánh tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị C về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 09/9/2001, cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2017. Cháu T, cháu T1 đã thành niên, anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh chị thì thấy: Hiện nay chị C làm công nhân, có nơi ở, thu nhập ổn định; cháu Ngọc A mong muốn ở với chị C; anh K có ý kiến tôn trọng quan điểm của cháu Ngọc A. Hội đồng xét xử giao chị C nuôi cháu Ngọc A là phù hợp và đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu của chị là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Thu C được ly hôn anh Nguyễn Mạnh K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2017 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Ngọc A thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

Anh K có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Anh K, Chị C có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Án phí: Chị Chu Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003608 ngày 03/6/2025 của Chính cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào (Nay là Phòng thi hành án khu vực 2 - Hưng Yên). Chị C đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Hưng Yên;
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA tỉnh Hưng Yên
- Phòng THA khu vực 2- Hưng Yên;
- Đương sự;
- UBND phường Đường Hào;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Oanh

